

Số: 154/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 227/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự về hôn nhân gia đình:

- Bà **Ngô Thanh T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **số C ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**.

- Ông **Lâm Văn D**, sinh năm 1986; nơi cư trú: **số C ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre** vào năm 2009 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14/6/2024, bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên **Lâm Thiên K**, sinh ngày 14/7/2011, sau khi ly hôn, bà **T** trực tiếp nuôi con, ông **D** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho tới khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: giao cho bà **Ngô Thanh T** là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Lâm Thiên K**, sinh ngày 14/7/2011. Ông **Lâm Văn D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho tới khi con đủ 18 tuổi.

Ông **Lâm Văn D** được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002564 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Vậy, lệ phí bà **Ngô Thanh T** và ông **Lâm Văn D** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã Hưng Phong, H. Giồng Trôm;
- UBND xã Bình Phú, TPBT;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Ngô Văn Trình